**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T**
**THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2019/HSST
Ngày: 23/01/2019

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Bà Trần Quang Cảnh
Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

2/ Bà Huỳnh Thị H Thúy
Nghề nghiệp: Chuyên V
Nơi công tác: Phòng giáo dục quận T.

- ***Thư ký Tòa phiên tòa*:** Ông Lâm Đức Tài – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, thành phố H tham gia phiên toà***: Ông Trương Công Đức - Kiểm sát V

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 176/2018/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Ảnh Anh V; sinh ngày: 14/8/2002, tại: Thành phố H; thường trú: Số 130/1A đường N, Phường B, quận Tân B, Thành phố H; chỗ ở: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ảnh N (đã chết) và bà Bùi Thị Kim N (đã chết); vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 21/8/2018 – Có mặt.

2/ Lương Hiếu N; sinh ngày: 01/01/2002, tại: Bà Rịa Vũng Tàu; thường trú: Số 31 đường Đ, phường P, thành phố B, tỉnh B; chỗ ở: 5C đường Đô Đốc T, phường T, quận T, Thành phố H; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; giới Th: nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Hiếu T, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1969; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày: 21/8/2018 – Có mặt

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo V: Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1985; trú tại: 130/1A đường N, Phường B, quận Tân B, Thành phố H – Là dì ruột của bị cáo (Có mặt)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo N: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1970, trú tại: 5C đường Đô Đốc T, phường T, quận T, Thành phố H - Là mẹ ruột của bị cáo (Có mặt)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo V và N: Luật sư Chung Ngọc T – Cộng tác V Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (Có mặt)

- Bị hại:

1/ Anh Nguyễn Trọng V; sinh năm: 1994; trú tại: Lô P, khu lưu trú Công nhân, đường DC 13, phường Sơn K, quận T, Thành phố H - Vắng mặt

2/ Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 1991; trú tại: 2/4/40 đường Lê Thúc H, phường P, quận T, Thành phố H – Vắng mặt

- Người có quyền lợi N vụ liên quan:

1/ Em Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày: 11/9/2004; trú tại: 185/54/23 đường Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, quận Tân B, Thành phố H – Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp của em L:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978

Trú tại: 185/54/23 đường N, Phường M, quận Tân B, Thành phố H – Vắng mặt

2/ Anh Trần Trung T, sinh năm: 1980; trú tại: 193/70 đường Nam Kỳ Khởi N, Phường B, Quận B, Thành phố H – Vắng mặt

3/ Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1969; trú tại: 5C đường Đô Đốc T, phường T, quận T, Thành phố H – Vắng mặt

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 21/8/2018, Nguyễn Ảnh Anh V điều khiển xe gắn máy Yamaha loại Exciter biển số 59F1 – 838.68 đi đến số 118 đường Lê Thúc H, phường P, quận T thì gặp Lương Hiếu N đang sửa xe. Tại đây V rủ N đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, N đồng ý. V điều khiển xe gắn máy mang biển số 59F1 – 838.68 chở N chạy qua nhiều tuyến đường tìm người có tài sản để cướp giật. Khi đến trước nhà số 131 Kênh 19/5, phường S, quận T, Thành phố H phát hiện anh Nguyễn Trọng V đang đi bộ cùng chiều và sử dụng điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Pro, V chỉ cho N thấy, rồi từ phía sau điều khiển xe quay lại áp sát cùng chiều lưu thông với anh V, N dùng tay phải giật điện thoại của anh V, N nói với V "Được rồi", V liền tăng ga bỏ chạy. Sau đó, cả hai cùng mang điện thoại di động vừa cướp giật được đến cửa hàng điện thoại di động Quang Uyên tại số 123 đường Vườn L, phường P, quận T bán nhưng chưa bán được thì bị Công an bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ảnh Anh V và Lương Hiếu N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, N còn khai nhận, khoảng 08 giờ

ngày 11/8/2018, N điều khiển xe gắn máy Honda Wave, biển số 72D2 – 353.38 chở Nguyễn Thị Mỹ L lưu thông trên đường Vườn Lài, N nhìn thấy anh Huỳnh Văn D đang ngồi trên xe máy dừng trước hẻm 108 đường Vườn L, phường T, quận T, trên tay sử dụng điện thoại di động Samsung Galaxy J5, nên N nảy sinh ý định cướp giật điện thoại di động của anh D, N điều khiển xe chở L đi vào hẻm 108 đường Vườn L một đoạn rồi cho xe quay lại áp sát vào bên phải anh D, N dùng tay trái giật được điện thoại của anh D rồi tăng ga chở L tẩu thoát. Điện thoại trên N dùng để sử dụng cá nhân. Việc N cướp giật điện thoại của anh D không bàn bạc với L, sau khi N cướp giật tăng ga xe tẩu thoát L mới biết.

Theo bản kết luận định giá tài sản số 263/KL-HĐĐGTS-TTHS và 264/KL-HĐĐGTS-TTHS ngày 30/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận T thì: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro trị giá 3.200.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu trắng có trị giá 2.000.000 đồng.

Vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số Imel 353317098125728/01, đã trả cho người bị hại anh Nguyễn Trọng V.

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5, màu trắng, số Imel 357202076889501/01, đã trả lại cho anh Huỳnh Văn D.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ trắng biển số 59F1 – 838.68, số khung 061GY286094, số máy G3D4E300202, là phương tiện V chở N thực hiện hành vi cướp giật. Qua xác minh xe trên do anh Trần Trung T, sinh năm 1980, trú tại: 193/70 đường Nam Kỳ Khởi N, Phường B, Quận B, Thành phố H đứng tên chủ sở hữu, ngày 21/8/2018 anh Trần Nhật K (Là em vợ của anh T) mượn xe đến nhà chị Bùi Thị Ngọc T chơi, sau đó V lấy xe gắn máy biển số 59F1 – 838.68 thực hiện hành vi cướp giật tài sản anh K không biết nên Cơ quan công an đã xem xét trả lại xe trên cho anh Trần Trung T.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen – bạc, biển số 72D2 – 353.38, số khung 3901HY615689, số máy JA39E050820. Qua xác minh xác định xe trên do bà Nguyễn Thị Kim T (Là mẹ ruột của N), sinh năm 1969; trú tại: 31 đường Điện Biên P, phường P, thành phố B đứng tên sở hữu, ngày 10/8/2018 bà T giao xe cho N đi xin việc làm đến ngày 15/8/2018 N trả xe cho bà T. Việc N sử dụng xe gắn máy biển số 72D2 – 353.38 làm phương tiện cướp giật tài sản bà T không biết nên Cơ quan điều tra đã xem xét trả xe cho bà T.

- 01 áo khoác màu đen, 01 quần tây màu đen, 01 áo thun màu trắng thu giữ của Lương Hiếu N, là bộ quần áo N mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

- 01 quần tây màu đen, 01 áo sơ mi sọc đen – trắng, thu giữ của Nguyễn Ảnh Anh V, là bộ quần áo V mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Tại bản cáo trạng số 174/CT-VKSQ.TP ngày 26 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân quận T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ảnh Anh V, Lương Hiếu N về tội: "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên Tòa:

- Sau khi kết thúc phần thủ tục xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T giữ quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ảnh Anh V từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù,

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lương Hiếu N từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng.

- Các bị cáo Nguyễn Ảnh Anh V, Lương Hiếu N đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung vụ án được tóm tắt như trên, các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo V và N có ý kiến trình bày về điều kiện hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, thiếu sự quan tâm chăm sóc, giáo dục của cha mẹ, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, sau khi các bị cáo chấp hành xong hình phạt sẽ quan tâm chăm sóc, giáo dục các bị cáo nhiều hơn để các bị cáo làm người có ích cho gia đình và xã hội.

- Người bào chữa cho bị cáo V và bị cáo N, Luật sư Chung Ngọc T có ý kiến bào chữa như sau: Thống nhất về tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như sau:

Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả cho người bị hại; hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, neo đơn, tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo nhận thấy được hành vi của mình là sai trái, cam kết sẽ không tái phạm, người đại diện hợp pháp của các bị cáo cũng nhận thấy thiếu sự quan tâm giáo dục đối với các bị cáo nên sau khi các bị cáo chấp hành xong hình phạt sẽ quan tâm, giáo dục các bị cáo nhiều hơn.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án. Điều tra V, Kiểm sát V, khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 16 giờ 15 phút ngày 21/8/2018 Nguyễn Ảnh Anh V điều khiển xe gắn máy biển số 59F1 – 838.68 đến gặp Lương Hiếu N và rủ N đi cướp giật tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, N đồng ý. V điều khiển xe chở N lưu thông qua nhiều tuyến đường để tìm tài sản cướp giật, khi đến trước nhà số 131 Kênh 19/5, phường S, quận T thì V phát hiện anh Nguyễn Trọng V đang đi bộ cùng chiều và có sử dụng  điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro nên chỉ cho N thấy và quay xe lại chạy áp sát cùng chiều lưu thông với anh V, N dùng tay phải giật được điện thoại của anh V. Sau đó mang đến bán tại cửa hàng điện thoại Quang Uyên tại số 123 đường Vườn L, phường P, quận T nhưng chưa bán được thì bị Công an bắt giữ.

Ngoài ra, bị cáo Lương Hiếu N còn khai nhận: Vào lúc 08 giờ ngày 11/8/2018 khi đang điều khiển xe gắn máy Honda Wave mang biển số 72D2 – 353.38 chở em Nguyễn Thị Mỹ L lưu thông trên đường Vườn Lài, phường Tân Thành, quận T, khi đến hẻm số 108 Vườn Lài thì N phát hiện anh Huỳnh Văn D đang ngồi trên xe gắn máy sử dụng điện thoại di động Samsung Galaxy J5 nên N nảy sinh ý định cướp giật điện thoại di động của anh D và quay xe lại chạy áp sát vào bên phải anh D, N dùng tay trái giật điện thoại của anh D rồi tăng ga tẩu thoát.

Vì vậy đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Ảnh Anh V và Lương Hiếu N phạm tội "Cướp giật tài sản", như bản cáo trạng đã truy tố. Do các bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để cướp giật tài sản của người bị hại, có thể gây nguy hiểm đến Th mạng sức khỏe của người bị hại cũng như của những người khác đang tham gia giao thông, đây là trường hợp dùng thủ đoạn phạm tội nguy hiểm, nên Viện kiểm sát nhân dân quận T truy tố các bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Qua ý kiến tranh luận giữa đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy các tình tiết giảm nhẹ mà Luật sư đề nghị là phù hợp với đề nghị đại diện Viện kiểm sát và nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận và xem xét khi lượng hình đối với các bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi cướp giật tài sản của người

khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách táo bạo và liều lĩnh, lợi dụng sơ hở của người bị hại, đã dùng phương tiện xe gắn máy công khai cướp giật, chiếm đoạt tài sản sau đó nhanh chóng tẩu thoát ngay trên đường phố nơi có đông người, chứng tỏ ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang Th giản đơn, bị cáo V là người gợi ý, rủ bị cáo N phạm tội và là người điều khiển xe chở bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội và tẩu thoát, bị cáo N là người trực tiếp cướp giật chiếc điện thoại di động, giữ vai trò là người thực hành.

Đối với bị cáo N, ngoài hành vi phạm tội thực hiện cùng với bị cáo V, bị cáo còn thực hiện hành vi cướp giật điện thoại di động của anh D, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét Th chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án tương xứng, mới có tác dụng răn đe giáo dục đối với từng bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên cũng xem xét các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, khi phạm tội các bị cáo là người dưới 18 tuổi nên áp dụng các Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo khi lượng hình.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án là 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro trị giá 3.200.000 đồng và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J7, màu trắng có trị giá 2.000.000 đồng. Công an quận T đã thu hồi trả lại cho người bị hại là anh Nguyễn Trọng V và anh Huỳnh Văn D. Anh V và anh D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần trách nhiệm dân sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Pro, màu xanh, số Imel 353317098125728/01 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung J5, màu trắng, số Imel 357202076889501/01, đã trả lại cho anh Huỳnh Văn D và anh Nguyễn Trọng V.

- 01 xe gắn máy hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ trắng biển số 59F1 – 838.68, số khung 061GY286094, số máy G3D4E300202, là phương tiện V chở N thực hiện hành vi cướp giật. Qua xác minh xe trên do anh Trần Trung T, sinh năm 1980, trú tại: 193/70 đường Nam Kỳ Khởi N, Phường B, Quận B, Thành phố H đứng tên chủ sở hữu, ngày 21/8/2018 anh Trần Nhật Kỳ (Là em vợ của anh T) mượn xe đến nhà chị Bùi Thị Ngọc T chơi, sau đó V lấy xe gắn máy biển số 59F1 – 838.68 thực hiện hành vi cướp giật tài sản anh K không biết nên Cơ quan công an đã xem xét trả lại xe trên cho anh Trần Trung T.

- 01 xe gắn máy hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen – bạc, biển số 72D2 – 353.38, số khung 3901HY615689, số máy JA39E050820. Qua xác minh xác định xe trên do bà Nguyễn Thị Kim T (Là mẹ ruột của N), sinh năm 1969; trú tại: 31 đường Điện Biên Phủ, phường P, thành phố B, tỉnh B đứng tên sở hữu, ngày 10/8/2018 bà T giao xe cho N đi xin việc làm đến ngày 15/8/2018 N trả xe cho bà T. Việc N sử dụng xe gắn máy biển số 72D2 – 353.38 làm phương tiện cướp giật tài sản bà T không biết nên Cơ quan điều tra đã xem xét trả xe cho bà T.

- 01 áo khoác màu đen, 01 quần tây màu đen, 01 áo thun màu trắng thu giữ của Lương Hiếu N và 01 quần tây màu đen, 01 áo sơ mi sọc đen – trắng, thu giữ của Nguyễn Ảnh Anh V, tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với em Nguyễn Thị Mỹ L, vào ngày 11/8/2018 có đi chung xe với N khi N thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động của anh Huỳnh Văn D, tuy nhiên L không bàn bạc, tham gia với N và không hưởng lợi từ hành vi cướp giật tài sản của N nên không có cơ sở đưa vào tố tụng xử lý.

[10] Án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015

- Điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ảnh Anh V, Lương Hiếu N phạm tội: "Cướp giật tài sản"

[2] Xử phạt bị cáo Nguyễn Ảnh Anh V 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, ngày 21 tháng 08 năm 2018.

[3] Xử phạt bị cáo Lương Hiếu N 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 21 tháng 8 năm 2018

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) áo khoác màu đen, 01 (Một) quần tây màu đen, 01 (Một) áo thun màu trắng tạm giữ của Lương Hiếu N và 01 (Một) quần tây màu đen, 01 (Một) áo sơ mi sọc đen – trắng, tạm giữ của Nguyễn Ảnh Anh V.

(Vật chứng đang nhập kho theo Phiếu nhập nhập kho vật chứng số 267/PNK ngày 28/8/2018 của Công an quận T)

[6] Buộc các bị cáo Nguyễn Ảnh Anh V, Lương Hiếu N, mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo; người có quyền lợi, N vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân thành phố H. Bị hại, người có quyền lợi N vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, N vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- Bị cáo
- Người tham gia tố tụng khác.
- VKS Q.T.
- THA quận T.
- Công an Q.T
- Sở Tư pháp TP.H
- Lưu hồ sơ

**Lê Viết Hoàng Lâm**